

BÁO CÁO

Tổng kết thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2019

Thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/HU ngày 22/12/2017 của Huyện ủy về nhiệm vụ năm 2018; Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 04/01/2018 của HĐND huyện về chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2018. Ngay từ đầu năm, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 05/01/2018 về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2018.

Trong năm qua tình hình thời tiết có lúc không thuận lợi, hạn hán, mưa lũ xảy ra ở một số nơi đã ảnh hưởng đến đời sống cũng như sản xuất của nhân dân trên địa bàn huyện; tỷ lệ hộ nghèo còn ở mức cao; an ninh, trật tự có nơi vẫn còn nhiều tiềm ẩn phức tạp khó lường. Song UBND huyện đã tập trung phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổ chức, triển khai hiệu quả các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và đã thực hiện hoàn thành các mục tiêu đề ra năm 2018, cụ thể như sau:

Phần I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2018

I. LĨNH VỰC KINH TẾ

Tổng giá trị sản xuất toàn nền kinh tế theo giá hiện hành ước đạt 11.125 tỷ đồng/KH 11.003 tỷ đồng, đạt 101,11%.

Tăng trưởng kinh tế 10,52%/KH 9,47%, đạt 111,07%, trong đó: Nông, lâm nghiệp tăng 6,65%/KH 5,81%, đạt 114,36%; Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng tăng 16,96%/KH 15,08%, đạt 112,50%; Dịch vụ tăng 16,08%/KH 15,00%, đạt 107,20%.

Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm, ngư nghiệp, chiếm 60,66%/KH 60,85%; Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, chiếm 14,61%/KH 14,59%; Dịch vụ, chiếm 24,73%/KH 24,56%.

Huy động vốn đầu tư toàn xã hội 1.993 tỷ đồng/KH 1.989 tỷ đồng, đạt 100,2%.

Thu nhập bình quân đầu người 38,98 triệu đồng/người/năm, đạt 103,59% kế hoạch.

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp

Phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, thực hiện có hiệu quả về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, coi trọng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa có chất lượng và hiệu quả; gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ, hình thành và phát triển ổn định một số vùng sản xuất các

sản phẩm hàng hóa phục vụ trong huyện, tỉnh và hướng tới xuất khẩu. Cơ cấu mùa vụ chuyển biến mạnh mẽ theo hướng tích cực, đưa các giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt, kháng sâu bệnh vào sản xuất, chú trọng sản xuất số lượng đi đôi với chất lượng, gắn với thị trường đã góp phần tăng năng suất, sản lượng và tăng giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích canh tác.

- Trồng trọt: Tổng diện tích gieo trồng thực hiện 58.564 ha/KH 57.950 ha, đạt 101,06%, trong đó: diện tích cây hàng năm 35.036 ha/KH 34.985 ha, đạt 100,15%¹; diện tích cây lâu năm 23.528 ha/KH 22.965 ha, đạt 102,45%². Tổng sản lượng lương thực ước thực hiện 181.267 tấn/KH 170.000 tấn, đạt 106,63%. Giá trị ước thực hiện 4.488 tỷ đồng/KH 4.451 tỷ đồng, đạt 100,83%.

Trên địa bàn huyện có nhiều loại cây trồng cho giá trị kinh tế cao như: Cà phê, Hồ tiêu, Sầu riêng, Bơ, Mít, Vải..., đặc biệt cây Sầu riêng được trồng xen trong các vườn cà phê đã và đang mang lại nguồn thu nhập lớn cho nông dân, vùng trồng sầu riêng nhiều nhất hiện nay là Ea Yông, Ea Kênh, Ea Knuéc, Hòa Đông, tổng sản lượng sầu riêng ước đạt 22.000 tấn, giá bán tại vườn trung bình từ 50.000 – 60.000 đồng/kg, trong đó được ưa chuộng nhất là các giống sầu riêng ghép, cơm vàng hạt lép như Ri6, DONA,... Riêng loại sầu riêng từ giống thực sinh giá bán thấp hơn, chỉ từ 15.000 – 20.000 đồng/kg. Cây cà phê đang trong giai đoạn thu hoạch, sản lượng cà phê nhân xô ước thực hiện 37.000 tấn/KH 38.500 tấn, đạt 96,10%. Đã triển khai 09 mô hình trồng trọt trên địa bàn huyện³.

Do ảnh hưởng của mưa kéo dài, đã làm chết 320 ha cây tiêu, qua kiểm tra của ngành chuyên môn, bước đầu xác định nguyên nhân xảy ra tình trạng trên có thể do mưa kéo dài gây úng nước làm cây tiêu bị thối rễ và chết.

- Chăn nuôi: các loại gia súc, gia cầm, thủy sản phát triển tốt, tình hình dịch bệnh được kiểm soát chặt chẽ, chưa xuất hiện các dấu hiệu của dịch bệnh trên diện rộng; công tác tiêm phòng vaccine, tiêu độc khử trùng được triển khai đồng bộ, đã triển khai công tác tiêm phòng vaccine mùa vụ cho đàn gia súc năm 2018 được 10.200 liều vaccine tụ huyết trùng trên trâu bò, 37.940 liều vaccine kếp trên lợn, 29.370 liều LMLM, 3400 liều vaccine đại chó. Hoàn thành công tác thực hiện tháng vệ sinh tiêu độc khử trùng chuồng trại cho đàn gia súc, gia cầm năm 2018 với 600 lít hoá chất Benkocid; thường xuyên kiểm tra, đánh giá, phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y và các chế phẩm dùng trong

¹ Trong đó: Lúa: 14.703 ha/KH 14.265 ha, đạt 103,07%, sản lượng 101.136 tấn/KH 97.000 tấn đạt 104,26%, năng suất bình quân 69 tạ/ha; ngô: 12.399 ha/KH 12.500 ha, đạt 99,19%, sản lượng 80.131 tấn/KH 73.000 tấn, đạt 109,77%, năng suất bình quân 65 tạ/ha; các loại cây trồng khác 7.934 ha/KH 8.220 ha, đạt 96,52%.

² trong đó: Diện tích cà phê 18.123 ha/KH 17.907 ha, đạt 101,21%; cao su 1.141 ha/KH 1.148, đạt 99,39%; hồ tiêu 1.425 ha/KH 1.160 ha, đạt 122,84%; điều 745 ha/KH 656 ha, đạt 113,64%; các loại cây khác, cây trồng xen 2.094 ha/KH 2.094 ha, đạt 100%.

³ gồm: Mô hình sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm trong chăn nuôi heo theo hướng an toàn thực phẩm bằng việc sử dụng cảm sinh học đạt tiêu chuẩn VietGAP xã Ea Yông và thị trấn Phước An; mô hình chăn nuôi Dê tại xã Ea Hiu; mô hình dây chuyền chế biến cà phê ướt tại HTX dịch vụ nông nghiệp Công bằng Ea Kmát; Mô hình chế biến trà măng cầu tại xã Ea Kly; mô hình chế biến trái cây đông lạnh xã Ea Yông; Chăn nuôi heo theo hướng an toàn thực phẩm bằng việc sử dụng cảm sinh học đạt tiêu chuẩn VietGAP tại HTX dịch vụ nông nghiệp Nhân An xã Tân Tiến; trồng và khai thác tinh dầu sả tại HTX dịch vụ nông nghiệp Ea Yiêng; trồng măng cầu gai tại xã Ea Phê; trồng bưởi da xanh tại xã Krông Búk.

thú y trên địa bàn huyện; kiểm tra công tác phòng, chống dịch cúm gia cầm trên địa bàn huyện; triển khai 01 mô hình chăn nuôi⁴.

Tổng đàn trâu ước 4.420 con/KH 4.253 con, đạt 103,93%; tổng đàn bò ước 32.224 con/KH 32.224 con, đạt 100%; tổng đàn lợn ước 220.000 con/KH 219.693 con, đạt 100,14%; tổng đàn gia cầm ước 1.413.000 con/KH 1.400.000 con, đạt 100,93%. Giá trị chăn nuôi ước thực hiện 2.149 tỷ đồng/KH 2.133 tỷ đồng, đạt 100,75%.

Khuyến khích nhân dân khai thác, sử dụng diện tích ao, hồ để phát triển nuôi thủy sản; tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân khai thác, đánh bắt thủy sản tại các hồ theo quy định. Tổng diện tích nuôi thả cá 1.800 ha/KH 1.600 ha, đạt 112,50%; tổng sản lượng khai thác ước 2.430 tấn/KH 2.400 tấn, đạt 101,25%. Giá trị sản xuất ước thực hiện 97 tỷ đồng/KH 97 tỷ đồng, đạt 100%.

- Lâm nghiệp: Tổ chức tuyên truyền lưu động Luật Bảo vệ và phát triển rừng. Đã kiểm tra, đôn đốc các chủ rừng triển khai thực hiện kế hoạch bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô năm 2018. Trồng rừng tập trung được 52 ha/KH 100 ha, đạt 52%. Độ che phủ rừng ước thực hiện 4,7%/KH 4,7%, đạt 100%. Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp ước thực hiện 15 tỷ đồng/KH 15 tỷ đồng, đạt 100%.

- Công tác thủy lợi: Triển khai nạo vét kênh mương; kiểm tra công trình trong mùa mưa lũ, thông báo cho cơ sở tăng cường công tác kiểm tra công trình hồ chứa, đập dâng. Kiểm tra các các hệ thống đóng mở, vận hành công trình đảm bảo vận hành tốt trong mùa mưa lũ; bảo đảm 78,1%/KH 78% diện tích gieo trồng có nhu cầu tưới, đạt 100,13%.

2. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng

- Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp:

Tổng số cơ sở sản xuất 1.034 cơ sở/KH 1.015 cơ sở, đạt 101,87%. Kiểm tra, rà soát tình hình hoạt động của các Hợp tác xã sản xuất gạch và các Hợp tác xã điện trên địa bàn huyện; kiểm tra việc hoàn trả mặt bằng sau khai thác đất sét tại 03 xã Ea Uy, Ea Yiêng, Vụ Bản. Tuyên truyền cho các cơ sở sản xuất gạch thực hiện lộ trình chuyển đổi mô hình sản xuất gạch không nung; thống nhất danh mục đầu tư xây dựng thuộc dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018-2020 do EU tài trợ. Tổng giá trị sản xuất theo giá hiện hành ước thực hiện 1.158 tỷ đồng/KH 1.147 tỷ đồng, đạt 100,96%.

Điện sinh hoạt, hiện có 100%/KH 100% thôn, buôn có điện, đạt 100%. Tổng số hộ gia đình có điện sinh hoạt 99%/KH 100%, đạt 99%.

- Xây dựng:

Hệ thống đường giao thông liên thôn, buôn, đường đô thị thực hiện nhựa hóa, bê tông xi măng được 41%/KH 41%, đạt 100%; đường liên xã, thị trấn bê tông, nhựa hóa thực hiện 89%/KH 91%, đạt 97,8%.

⁴ Chăn nuôi heo theo hướng an toàn thực phẩm bằng việc sử dụng cám sinh học đạt tiêu chuẩn VietGAP tại HTX dịch vụ nông nghiệp Nhân An xã Tân Tiến.

Thẩm định 50 hồ sơ công trình xây dựng dân dụng, giá trị thẩm định 32 tỷ đồng. Đã tiến hành cấp 130 giấy phép xây dựng, trong đó 124 hồ sơ cấp giấy phép xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ; 06 giấy phép xây dựng công trình khác. Kiểm tra 81 công trình xây dựng, có 03 công trình vi phạm bị xử lý hành chính, với số tiền 22,5 triệu đồng. Nhìn chung công tác quản lý chất lượng công trình cơ bản đạt yêu cầu, quá trình thi công không để xảy ra sự cố, đảm bảo an toàn trong công tác thi công; kiểm tra công tác quản lý chất lượng của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng công trình; thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng đưa công trình vào khai thác sử dụng đúng quy định. Giá trị sản xuất theo giá hiện hành ngành xây dựng ước 467 tỷ đồng/KH 458 tỷ đồng, đạt 101,97%.

Đã thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc đẩy mạnh tiến độ thi công Khu đô thị Đông Bắc. Công tác đo trích lục bản đồ địa chính và rà phá bom mìn đã thực hiện xong; bồi thường giải phóng mặt bằng đã đền bù giải phóng được 34,15ha, còn lại 26,88ha đang lập phương án bồi thường giải phóng mặt bằng; đang thực hiện công tác đánh giá tác động môi trường của dự án. Về san lấp mặt bằng đạt 80% khối lượng; xây dựng cơ sở hạ tầng giai đoạn 1 đang thực hiện thi công xây dựng 14 trục đường giao thông⁵, khối lượng thực hiện đã đạt 80%, đã giải ngân 21.600 triệu đồng. Các hạng mục còn lại thì đang lập hồ sơ dự án để đầu tư xây dựng trong năm 2019.

Công tác quy hoạch và quản lý theo quy hoạch được chú trọng thực hiện, việc lập danh mục quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch xây dựng phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội của từng địa phương⁶.

3. Dịch vụ

Tổng số cơ sở dịch vụ 5.315/KH 5.040 cơ sở, đạt 105,46%, trong đó thương mại 3.837 cơ sở. Hoạt động kinh doanh hàng hóa và dịch vụ đáp ứng nhu cầu của nhân dân; hướng dẫn cho người dân về thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ cá thể, giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, giấy phép kinh doanh rượu, thuốc lá. Thường xuyên kiểm tra hàng giả, hàng kém chất lượng, niêm yết giá theo quy định; tuyên truyền đến các cơ sở kinh doanh các quy định của pháp luật về thương mại. Dịch vụ vận tải⁷, bưu chính, viễn thông, ngân hàng⁸... duy trì phát triển, chất lượng dịch vụ được nâng cao, cơ bản đáp ứng

⁵ Trong đó đợt 1 xây dựng 07 trục đường số: 5a; 5b; 14; 24; 25; đường Lê Duẩn; Tô Hiến Thành bằng nguồn vốn vay 30 tỷ từ Quỹ Đầu tư Phát triển Đắk Lắk; Đợt 2 xây dựng 07 trục đường số: 2; 4; 6; 7; 17; 19; 20 bằng nguồn vốn ngân sách huyện.

⁶ Điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 các xã: Vụ Bồn, Tân Tiến, Ea Kênh, Ea Knuéc; hoàn thiện hồ sơ quy hoạch chi tiết 1/500 2,58ha dọc theo trục đường Lê Duẩn, tổ dân phố 2, thị trấn Phước An; xây dựng phương án quy hoạch khu đất 58,35ha (dự kiến tinh thu hồi của công ty TNHH 2 thành viên lâm nghiệp Phước An giao về cho huyện quản lý); hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Phước An; đề nghị HĐND huyện thông qua chủ trương điều chỉnh trục đường số 7, khu đô thị Đông Bắc, TT Phước An; Điều chỉnh trường THCS TT Phước An thành trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn tại khu đô thị Đông Bắc; Đề nghị kêu gọi đầu tư dự án phát triển nhà ở đô thị TDP 09, TT Phước An; quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 khu đô thị mới Ea Pê; lập quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 dự án nhà máy xử lý rác thải tại Buôn Pan, xã Ea Yông;

⁷ Khối lượng vận chuyển hành khách bằng xe buýt 1.036.049 người, giá trị vận chuyển 16,38 tỷ đồng; khối lượng vận chuyển hành khách bằng taxi 94.461 người, giá trị vận chuyển 9,45 tỷ đồng; khối lượng vận chuyển hàng hoá 797.120 tấn, giá trị vận chuyển 0,544 tỷ đồng.

⁸ Trong năm đã có thêm 3 ngân hàng mở chi nhánh tại TT Phước An gồm: Ngân hàng Sacombank, Vietcombank, Bản Việt.

yêu cầu phục vụ nhân dân. Giá trị sản xuất theo giá hiện hành ngành dịch vụ 2.751 tỷ đồng/KH 2.702 tỷ đồng, đạt 101,81%, trong đó giá trị sản xuất thương mại 1.420 tỷ đồng.

4. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách trên địa bàn huyện 112.320 triệu đồng/KH 112.000 triệu đồng, đạt 100,29% dự toán HĐND huyện giao, tăng 2,57% so với cùng kỳ năm 2017⁹.

Tổng chi ngân sách ước thực hiện 947.625 triệu đồng/KH 817.409 triệu đồng, đạt 115,93%, tăng 9,65 % so với cùng kỳ năm 2017¹⁰.

5. Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án khu đô thị Đông Bắc, thị trấn Phước An. Kiểm tra bàn giao đất thực địa theo Quyết định số 3554/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh về việc thu hồi 3.441,6 m² đất tại thị trấn Phước An huyện Krông Pắc của Chùa Phước An, giao cho Ban trị sự Giáo hội phật giáo Việt Nam huyện Krông Pắc xây dựng Văn phòng Ban trị sự.

Đã xây dựng phương án thanh lý 76,8 ha cây cao su và phương án dự kiến quản lý, sử dụng diện tích đất tại hai thôn Thanh Xuân và Thanh Bình xã Ea Kênh trình và đã được UBND tỉnh phê duyệt. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ cấm mốc, giao mốc 57 thửa đất cho tổ chức và cá nhân trúng đấu giá quyền sử dụng đất tại Km 49, Quốc lộ 26, xã Ea Kly. Đã hoàn thiện hồ sơ, thủ tục bán đấu giá quyền sử dụng đất 02 lô đất tại thị trấn Phước An và xã Hoà An; 124 lô đất tại Km 48, Km 49 xã Krông Búk; phê duyệt triển khai phương án bồi thường tài sản trên đất diện tích 4,7 ha tại xã Ea Kênh.

Thực hiện tốt cải cách hành chính trong công tác tiếp nhận và trả kết quả thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân¹¹.

Xác nhận 33 Giấy cam kết bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Thực hiện tốt việc thu gom, xử lý rác thải tại Trung tâm thị trấn Phước An, tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải thực hiện 94%/KH 95%, đạt 98,95%; tại Trung tâm các xã tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải thực hiện 79%/KH 93%, đạt 84,95%.

⁹ Trong đó: Thu thuế, phí, lệ phí 73.532 triệu đồng/KH 73.155 triệu đồng, đạt 100,51%, tăng 7,13% so với cùng kỳ năm 2017; thu biện pháp tài chính 38.317 triệu đồng/KH 38.845 triệu đồng, đạt 98,64%, tăng 5,37% so với cùng kỳ năm 2017; thu quản lý qua ngân sách 472 triệu đồng.

¹⁰ Trong đó: Chi đầu tư xây dựng cơ bản 26.196 triệu đồng/KH 16.596 triệu đồng, đạt 157,85%, giảm 47,06% so với cùng kỳ năm 2017; chi thường xuyên 760.653 triệu đồng/KH 728.116 triệu đồng, đạt 104,47%, tăng 10,14% so với cùng kỳ năm 2017; chi dự phòng ngân sách 14.504 triệu đồng/KH 14.504 triệu đồng, đạt 100%, tăng 5,13% so với cùng kỳ năm 2017; chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu 146.272 tỷ đồng/KH 58.193 đồng, đạt 251,36%, tăng 104,22% so với cùng kỳ năm 2017.

¹¹ Tiếp nhận 6.672 hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận, chuyển nhượng, cấp đổi, đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (trong đó: Cấp mới 339 hồ sơ; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho,... 3.962 hồ sơ; đăng ký biến động đất đai 2.371 hồ sơ), đã giải quyết được 6.214 hồ sơ (trong đó: Cấp mới 282 giấy; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho,... 3.631 hồ sơ; đã giải quyết hồ sơ đăng ký biến động đất đai 2.301 hồ sơ. Tiếp nhận đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất 6.061 hồ sơ; 4.760 hồ sơ đăng ký xóa thế chấp; hồ sơ thay đổi nội dung đăng ký thế chấp 328 hồ sơ. Tiếp nhận và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất 237 hồ sơ từ đất trồng nông nghiệp sang đất ở với diện tích 22.302 m² đối với hộ gia đình, cá nhân.

Tỷ lệ dân cư thị trấn Phước An sử dụng nước hợp vệ sinh ước thực hiện 100%/KH 100%, đạt 100%; tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh ước thực hiện 92,26%/KH 92%, đạt 100,28%.

6. Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia

a) Giảm nghèo bền vững: Các chương trình chính sách nhà nước đầu tư trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số được triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định, theo kế hoạch và nguồn vốn được cấp.

Chương trình 102: Đã hỗ trợ trực tiếp hộ nghèo, hộ cận nghèo ở vùng khó khăn, với số tiền 1.908 triệu đồng cho 4.111 hộ, 20.302 khẩu¹².

Chương trình 135: Đã phân khai 6.951 triệu đồng, trong đó: Xây dựng cơ sở hạ tầng 5.882 triệu đồng (thanh toán nợ 2.423 triệu đồng; xây dựng mới các công trình 3.459 triệu đồng); duy tu bảo dưỡng đường giao thông 180 triệu đồng; vốn hỗ trợ phát triển sản xuất 889 triệu đồng.

Thực hiện tốt chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, tổ chức gặp mặt người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, tặng 102 xuất quà và khen thưởng 26 người có uy tín, tiêu biểu; thăm hỏi ốm đau và thân nhân người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số qua đời; lựa chọn và hỗ trợ kinh phí cho 03 người người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số đi thăm quan học tập kinh nghiệm tại các tỉnh Miền Trung.

Tổ chức điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2018, kết quả toàn huyện hiện có 4.246 hộ nghèo chiếm 8,54%, giảm 3,01%, đạt 100,33% kế hoạch; có 2.093 hộ cận nghèo chiếm 4,21%. Đã triển khai và hoàn thành làm nhà ở cho 320/394 nhà hộ nghèo tại các xã, thị trấn chương trình 167 giai đoạn 2, năm 2018. Triển khai các chương trình về giảm nghèo theo chương trình mục tiêu quốc gia cho các xã, thị trấn.

b) Xây dựng nông thôn mới: Với sự vào cuộc tích cực của các cấp, các ngành, địa phương và sự hưởng ứng tích cực của nhân dân, doanh nghiệp... phong trào nông thôn mới đạt nhiều kết quả. Có 05 xã (Hòa Đông, Ea Kly, Ea Kênh, Ea Kuăng và Hòa An) duy trì đạt chuẩn xã nông thôn mới; thẩm định hồ sơ 04 xã hoàn thành 19 tiêu chí (gồm các xã: Hoà Tiến, Tân Tiến, Ea Yông, Ea Phê), 04 xã đạt 10-14 tiêu chí (gồm các xã: Vụ Bồn, Krông Búk, Ea Uy, Ea Knuéc); 02 xã đạt 5-9 tiêu chí (xã Ea Yiêng, Ea Hiu); không có xã nào đạt dưới 5 tiêu chí. Tổng số 227 tiêu chí đạt chuẩn và cơ bản toàn huyện, trong đó: 199 số tiêu chí đạt chuẩn, 28 tiêu chí cơ bản. Bình quân 15,13 tiêu chí/xã đạt chuẩn và cơ bản.

7. Phát triển kinh tế tập thể

Theo kết quả kiểm tra tình hình hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể trên địa bàn huyện. Trong tổng số 54 tổ chức kinh tế tập thể đăng ký kinh doanh, năm 2018 đã giải thể 08 Hợp tác xã¹³ và thành lập mới 08 Hợp tác xã¹⁴; hiện nay,

¹² Trong đó: Cấp 82.489 kg lúa giống, trị giá 1.400 triệu đồng; cấp 1.901 kg ngô giống, trị giá 197 triệu đồng, cấp 46.449 kg muối I ốt, trị giá 256 triệu đồng, hỗ trợ tiền mặt 55 triệu đồng.

¹³ HTX xây dựng Thành Công; DVNN Hoà Tiến; Thêu Đan; mía đường Đồng Tâm; XD Phú Thọ; xăng dầu Thu Thảo; XD Vinh An; XD Đồng Tâm.

¹⁴ HTX DVNN Nhân An; NNDV Ea Kuăng; NN Xanh, bơ, sầu riêng; DVNN Ea Yiêng; DVNN Hoà Đông; NNMT Ea Knuéc; NNMT Hòa Tiến và HTX NN Việt Farm.

toàn huyện có 54 tổ chức kinh tế tập thể, trong đó: 38 Hợp tác xã và Quỹ tín dụng nhân dân đang hoạt động, 16 Hợp tác xã ngừng hoạt động; phân loại theo lĩnh vực hoạt động có: 18 Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, 18 Hợp tác xã công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, 01 Hợp tác xã giao thông vận tải, 10 Hợp tác xã xây dựng, 03 Hợp tác xã thương mại - dịch vụ, 03 Quỹ tín dụng nhân dân.

II. LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Công tác Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm của năm học 2017 – 2018. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy, tổ chức kiểm tra chất lượng ở các đơn vị trường học; chú trọng, quan tâm bồi dưỡng, phụ đạo học sinh yếu, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh dân tộc thiểu số, học sinh bỏ học để các em có điều kiện học hành.

Các trường đã làm tốt việc tổ chức khai giảng năm học mới 2018 – 2019. Hiện nay, trên địa bàn huyện có 101 trường, trong đó THCS: 24 trường; Tiểu học: 51 trường; Mầm non: 26 trường (trong đó: Công lập: 24 trường; Tư thục: 02 trường) với 1.591 lớp và 40.363 học sinh. Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên 4.176 người, trong đó: 264 cán bộ quản lý, 3.314 giáo viên, 598 nhân viên.

Công tác xây dựng môi trường thân thiện, cảnh quan xanh - sạch - đẹp trong nhà trường luôn được quan tâm. Năm 2018 xây dựng 03/KH 05 trường đạt Chuẩn Quốc gia, đạt 60% KH; nâng số trường đạt Chuẩn Quốc gia trên địa bàn huyện là 45, chiếm tỷ lệ 45,45%.

Duy trì tỷ lệ 100% giáo viên đạt chuẩn, tỷ lệ 65,37% giáo viên đạt trên chuẩn; tỷ lệ trẻ được ăn bán trú trong các trường Mầm non, Mẫu giáo chiếm 83%/KH 83%, đạt 100%; tỷ lệ lên lớp bậc Tiểu học đạt 99%/KH 99%, đạt 100%; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học đạt 98%/KH 98%, đạt 100%; tỷ lệ lên lớp bậc THCS đạt 98,5%/KH 98,5%, đạt 100%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS là 99%/KH 99%, đạt 100%.

Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và nhà giáo ở các cấp học được chú trọng bằng nhiều giải pháp; công tác thanh tra, kiểm tra được đẩy mạnh; giải quyết kịp thời, có hiệu quả những khiếu nại, tố cáo của phụ huynh học sinh. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, phẩm chất đạo đức nhà giáo luôn được chú trọng, đa số đội ngũ nhà giáo có tinh thần trách nhiệm trong công tác chuyên môn, những hiện tượng tiêu cực cơ bản đã được khắc phục.

2. Công tác Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Thường xuyên quan tâm, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân khi đến khám và điều trị bệnh tại các Trạm Y tế xã và Bệnh viện Đa khoa huyện. Công tác phòng bệnh trên địa bàn huyện đặc biệt chú trọng giám sát theo dõi dịch cúm A (H5N1) và cúm A (H7N9), sốt xuất huyết, bệnh tay chân miệng, sốt phát ban, ngộ độc thực phẩm, bệnh sởi, bệnh dại... đề xuất các biện pháp phòng chống dịch kịp thời. Quản lý các cơ sở hành nghề y, dược tư nhân, mỹ phẩm trên địa bàn; kiểm tra kịp thời chấn chỉnh các sai phạm, hướng dẫn các cơ sở thực hiện tốt Luật khám, chữa bệnh; Luật Dược và Luật Chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân theo quy định.

Thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra liên ngành, kiểm tra 33 cơ sở hành nghề Y, Dược tư nhân; cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, kịp thời xử lý, nhắc nhở đối với các cơ sở có dấu hiệu sai phạm, có 02 cơ sở không đạt bị xử lý vi phạm hành chính 6.000.000 đồng. Tiến hành kiểm tra 505 cơ sở dịch vụ ăn uống, trong đó 496 cơ sở đạt quy định; xử phạt hành chính 09 cơ sở, tổng số tiền là 22.500.000 đồng.

Chỉ đạo 16/16 xã, thị trấn duy trì thực hiện chuẩn Quốc gia về y tế theo bộ tiêu chí mới.

Thực hiện tốt công tác Dân số - kế hoạch hóa gia đình; tập trung tuyên truyền vận động, lồng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình đến vùng khó khăn, vùng đông dân có mức sinh cao. Trong năm tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ đạt 78,59%, tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm đủ 8 loại vaccine đạt 90%, giảm tỷ lệ suất sinh hàng năm 0,25‰, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ước 1%.

3. Văn hóa - Thể thao và Thông tin truyền thông

Thường xuyên kiểm tra các hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa, thể dục, thể thao, du lịch, internet và quảng cáo trên địa bàn huyện; thực hiện phong trào “TĐĐKXDĐSVH” và Hội thi ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao hiệu quả cải cách hành chính huyện Krông Pắc năm 2018. Tổ chức thành công ngày hội “Khi tôi 18” cho học sinh khối THPT và Trung tâm GDTX trên địa bàn toàn huyện và Hội trại kỹ năng chỉ huy đội huyện Krông Pắc lần thứ I, năm học 2017-2018.

Hoạt động văn hóa, thông tin tuyên truyền trên địa bàn huyện thường xuyên được quan tâm chú trọng. Tập trung tuyên truyền, kịp thời các chủ trương đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của nhà nước trên các hệ thống phát thanh, truyền hình, hệ thống pa nô, áp phích...

Đẩy mạnh công tác xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn huyện. Hướng dẫn cơ sở, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu văn hóa năm 2018. Hướng dẫn cơ sở tổ chức đăng ký xây dựng gia đình văn hóa; thôn, buôn, tổ dân phố văn hóa, có 96/96% hộ gia đình; 04/02 thôn, buôn (buôn Cư Krưê, buôn Ea Nông A và buôn Ea Nông B xã Vụ Bản và buôn Hàng 1C xã Ea Uy) đăng ký, đạt 200% KH. Kiểm tra điều kiện đề nghị cấp có thẩm quyền cấp giấy phép đăng ký kinh doanh, hành nghề cho 06 hộ kinh doanh Internet và 02 hộ kinh doanh karaoke.

Duy trì các hoạt động thể dục thể thao từ huyện đến cơ sở¹⁵, trong năm đã tổ chức 10/10 giải thể thao cấp huyện, đạt 100% KH.

4. Các chính sách an sinh xã hội

Điều chỉnh tăng, giảm, cấp chế độ kịp thời cho đối tượng chính sách người có công và bảo trợ xã hội với số tiền: 51.550 triệu đồng, tổng hợp 245 hồ sơ đối

¹⁵ Thành lập đoàn tham gia ĐH TDTT tỉnh Đắk Lắk lần thứ VIII năm 2017-2018, kết quả Đạt giải nhì toàn đoàn; tổ chức Hội thao học sinh khối THPT chào mừng 68 năm ngày truyền thống HS- SV 09/01, giải Việt dã và giải bóng đá nhi đồng hè năm 2018; Tổ chức thành công giải Võ thuật Cổ truyền huyện Krông Pắc mở rộng năm 2018, Ngày hội “Văn hóa - Thể thao các dân tộc” và giải Bóng bàn, cầu lông nhân ngày gia đình Việt Nam 28/6, giải bóng đá nam 5 người CC, VC năm 2018....

tượng chính sách người có công trình tỉnh phê duyệt, đã giải quyết là 245 hồ sơ. Thu Quỹ đền ơn đáp nghĩa năm 2018 được 694 triệu đồng, đạt 154,22% kế hoạch. Thực hiện chính sách hỗ trợ người có công cách mạng về nhà ở, đã triển khai làm 50 nhà; trong đó xây mới là 20 nhà, sửa chữa 30 nhà với tổng số tiền là: 1.660 triệu đồng.

Tổ chức thăm tặng quà tiêu biểu cho các đối tượng chính sách người có công, viếng nghĩa trang liệt sỹ huyện nhân dịp tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018 và kỷ niệm 71 năm ngày thương binh liệt sỹ với tổng số tiền: 2.307,5 triệu đồng; cấp tiền quà cho đối tượng 80 tuổi trở lên: 2.927 đối tượng với số tiền 878 triệu đồng; thành lập đoàn phúc tra rà soát gạo cứu đói tết Nguyên đán Mậu Tuất và giáp hạt năm 2018 tại các xã, thị trấn: hỗ trợ 43.500kg gạo của tỉnh và 36.480kg gạo của huyện với số tiền 438 triệu đồng. Phối hợp với Hội người cao tuổi tổ chức thăm tặng quà cho 1.267 cụ nhân ngày Quốc tế người cao tuổi 1/10/2018 với tổng số tiền 337 triệu đồng.

Tổ chức Hội nghị tuyên truyền, tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động, có 75 người tham gia. Tổ chức đào tạo nghề ngắn hạn cho bà con nông dân trên địa bàn huyện được 10 lớp, 500 học viên, đạt 142,86% kế hoạch. Giải quyết việc làm mới cho 3.261 lao động, đạt 149,24% kế hoạch; 2.185 lao động làm việc ngoài tỉnh, đạt 145,67% kế hoạch; xuất khẩu 44 lao động, đạt 115,71% kế hoạch. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 47%, đạt 100% kế hoạch; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 39%, đạt 100% kế hoạch. Tổ chức Hội nghị tập huấn rà soát cung cầu lao động năm 2018 cho các thôn, buôn, tổ dân phố của các xã, thị trấn có 335 người tham gia; phối hợp với công ty TNHH Hải Vương Group Khánh Hòa tổ chức ngày hội việc làm tư vấn tuyển dụng lao động, được 92 lao động đăng ký tuyển dụng.

Đánh giá phân loại xã, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn xã hội năm 2018: có 105 người nghiện ma túy trên địa bàn huyện; 2 xã lành mạnh không có tệ nạn ma túy, không có tệ nạn mại dâm; 14 xã, thị trấn có tệ nạn ma túy, không có tệ nạn mại dâm. Tổ chức Hội nghị tập huấn công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ cho các thành viên Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ cấp xã, thị trấn có 726 người tham gia. Cấp 58.815 thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng trẻ em dưới 6 tuổi, bảo trợ xã hội, chính sách người có công.

III. CÔNG TÁC NỘI CHÍNH VÀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN

1. Công tác Thanh tra; tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

+ Thanh tra:

Ban hành văn bản chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, ban, ngành và xã, thị trấn tập trung giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng; kịp thời phát hiện những hành vi vi phạm để chấn chỉnh, xử lý đúng pháp luật. Triển khai 15 đoàn thanh tra, giải quyết khiếu nại¹⁶ và đã ban hành kết luận thanh tra 15 đoàn.

¹⁶ 05 Đoàn Thanh tra kinh tế - xã hội theo kế hoạch trên địa bàn xã EaKly, xã Ea Yiêng, xã Ea Uy, xã Ea Knuéc và xã Ea Kuàng; 01 Đoàn Thanh tra về việc chấp hành quy định pháp luật về quản lý đất đai và thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với UBND xã Krông Búk; 01 Đoàn xác minh nội dung khiếu nại của bà Phạm Thị Minh, trú tại tổ dân phố 9, thị trấn Phước An; 01 Đoàn xác minh nội dung khiếu nại của ông Phan Phụng Long, trú tại thôn Phước Lộc 3, xã Ea Phê; 01 Đoàn xác minh nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Danh Đông, trú tại tổ dân phố 2, thị trấn Phước An; 01 Đoàn xác minh nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Thanh Truyền và 03 hộ dân trú tại

+ Tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo:

Tiếp công dân: Tổng số người được tiếp trên địa bàn huyện là 167 lượt/167 vụ, trong đó: 60 lượt/60 vụ khiếu nại; 04 lượt/04 vụ tố cáo; 09 lượt/09 vụ tranh chấp; 94 lượt/94 vụ kiến nghị, phản ánh.

Giải quyết khiếu nại, tố cáo: đã tiếp nhận 281 đơn/281 vụ trên địa bàn toàn huyện, sau khi loại bỏ đơn trùng lặp, đơn nặc danh, không rõ địa chỉ,... số đơn phải xử lý là 211 đơn/211 vụ, trong đó: 94 vụ khiếu nại; 46 vụ tố cáo, tranh chấp; 71 vụ kiến nghị, phản ánh.

+ Thực hiện biện pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí:

Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện thực hiện tốt việc công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, đơn vị; niêm yết công khai bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, thuận lợi cho các tổ chức, công dân khi liên hệ công việc.

Triển khai Kế hoạch số 35/KH-UBND, ngày 26/02/2018 của UBND huyện về thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2018 đến tất cả các cơ quan, ban ngành trên địa bàn huyện thực hiện. Trong năm không có trường hợp nào có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra hoặc kiểm tra nội bộ và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2. Công tác Tư pháp

Trong năm, công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL đã được chú trọng, đã từng bước lập lại trật tự kỷ cương, nâng cao chất lượng của công tác soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất trong hệ thống pháp luật góp phần tích cực vào việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của huyện.

Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đến các tầng lớp nhân dân trong huyện về nội dung cơ bản của một số văn bản pháp luật mới ban hành thuộc các lĩnh vực: Luật Tiếp cận thông tin; luật Trợ giúp pháp lý, luật Báo chí; luật Trẻ em, luật Lâm nghiệp, luật Thủy sản, luật An ninh mạng ... và một số văn bản hướng dẫn thi hành luật cho cán bộ và nhân dân trên địa bàn 16 xã, thị trấn, với số thời gian thực hiện tuyên truyền 32 ngày, số lượng gần 5.000 người tham dự, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, giữ vững trật tự an toàn xã hội, nếp sống văn minh ở cộng đồng dân cư.

Tổ chức Hội nghị phổ biến một số luật mới ban hành được Quốc hội khoá 14 thông qua tại kỳ họp thứ IV cho cán bộ lãnh đạo các cơ quan ban ngành, đoàn thể ở huyện; Tổ chức Hội thi “Hoà giải viên giỏi” năm 2018. Tổ chức mở 3 lớp tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ công chức xây dựng cấp xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2018 với số lượng 180 người tham dự.

thị trấn Phước An; 01 Đoàn xác minh nội dung khiếu nại của ông Vũ Thế Huynh và 09 hộ trú tại thị trấn Phước An; 01 Đoàn Thanh tra về việc chấp hành quy định pháp luật về quản lý đất đai và thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với UBND xã Ea Yông; 03 đoàn thanh tra trách nhiệm đối với các xã: Hòa đông, Hòa tiến, thị trấn Phước An.

Xác minh, kiểm tra việc đăng ký cải chính hộ tịch cho 223 trường hợp; xác định lại dân tộc 08 trường hợp; đăng ký kết hôn 08 trường hợp; nhận cha mẹ, con 01 trường hợp; lập hồ sơ kết hôn có yếu tố nước ngoài 12 trường hợp.

Đã thực hiện công tác chứng thực theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, ngày 16/2/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực 444 bản sao từ bản chính, lệ phí thu được 3.114.000 đồng.

3. Công tác xây dựng chính quyền

Bộ máy chính quyền các cấp tiếp tục được kiện toàn, hoạt động hiệu lực và hiệu quả, chất lượng được nâng cao; tổ chức bộ máy trong các cơ quan hành chính từ huyện đến cơ sở từng bước được sắp xếp lại theo hướng hợp lý, tinh gọn hơn và hoạt động theo quy chế, quy định rõ ràng.

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được quan tâm từ khâu tuyển dụng, tiếp nhận, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm; tinh thần, thái độ, tác phong làm việc của cán bộ, công chức có bước chuyển đáng kể, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được nâng lên và đạt được các kết quả. Đã triển khai hoàn thành tuyển dụng viên chức sự nghiệp huyện năm 2017; Quyết định nghỉ hưu 48 trường hợp, thôi việc 01 lần cho 1 trường hợp sự nghiệp giáo dục; biên soạn đề án quy hoạch phát triển giáo dục giai đoạn năm 2018 – 2020 và phương hướng đến năm 2025. Đã hoàn thành phương án kinh phí, chế độ liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với giáo viên. Hướng dẫn thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch nhiệm kỳ 2015 – 2020, quy hoạch nhiệm kỳ 2021 – 2026 đối với cán bộ quản lý trường học.

Thực hiện quy trình bổ nhiệm lại cán bộ quản lý gồm: Bạc Mầm non: 02 Hiệu trưởng, 01 Phó hiệu trưởng; Bạc Tiểu học: 24 Hiệu trưởng, 34 Phó hiệu trưởng; Bạc THCS: 10 Hiệu trưởng, 17 Phó hiệu trưởng. Giải quyết chế độ nghỉ hưu cho 12 viên chức ngành giáo dục. Quyết định nâng lương cho cán bộ công chức 95 người, nghỉ hưu cho 01 công chức và 15 viên chức.

Trong năm khen thưởng thường xuyên cho 22 tập thể Lao động tiên tiến; 171 cá nhân lao động tiên tiến; tặng giấy khen cho 117 tập thể và 233 cá nhân; tặng Danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở cho 14 trường học. Khen thưởng cho một số trường học khen thưởng đột xuất có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo luôn được tăng cường. Kiểm tra hoạt động một số cơ sở tôn giáo trên địa bàn huyện; tập trung giải quyết các kiến nghị liên quan đến công tác tôn giáo đúng thẩm quyền theo quy định; hướng dẫn việc tổ chức Lễ Phật đản năm 2018 đúng theo quy định.

Công tác cải cách hành chính: Xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục; trong thời gian qua UBND huyện luôn tập trung quan tâm chỉ đạo, điều hành, thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, trong đó đã chú trọng triển khai thực hiện tốt việc giải quyết các thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa; một cửa liên thông và ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính từng bước phát huy những ưu điểm, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và tổ chức đến giao dịch hành chính. (Công khai thủ tục hành chính trên

Trang thông tin điện tử huyện Krông Pắc tại địa chỉ <http://www.krongpac.daklak.gov.vn>). Đã triển khai 01 Đoàn kiểm tra thực hiện cải cách hành chính tại các xã, thị trấn.

4. Công tác Quốc phòng, An ninh

4.1. Quốc phòng, quân sự:

Duy trì nghiêm túc sẵn sàng chiến đấu từ Ban Chỉ huy quân sự huyện đến các đơn vị cơ sở. Trục 100% quân số bảo vệ dịp Lễ, Tết trọng đại của đất nước, của địa phương.

Tập trung nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo công tác giáo dục chính trị, tư tưởng làm cho mọi cán bộ, chiến sỹ trong LLVT huyện nhận thức rõ vị trí, tầm quan trọng của nhiệm vụ Quân sự, quốc phòng tại địa phương; nhận rõ đối tượng và đối tác, tình hình, âm mưu “*Diễn biến hoà bình*”, bạo loạn lật đổ, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, tính chất đặc điểm của cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong tương lai; nắm vững nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi.

Tổ chức thực hành luyện tập chuyển trạng thái đúng đủ các nội dung ở các trạng thái và cơ động lực lượng ra khu căn cứ chiến đấu bảo đảm yếu tố bí mật và bảo đảm an toàn về người và vũ khí trang bị; thực hiện tốt công tác tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ đúng quy trình theo Luật Nghĩa vụ quân sự, giao quân 260/260 thanh niên, đạt 100% chỉ tiêu; xây dựng đủ 100% đầu mối các đơn vị dự bị động viên, quân số đạt 99,1%; lực lượng dân quân tự vệ 20/20 đầu mối, quân số đạt 100% chỉ tiêu; tiếp tục củng cố kiện toàn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ huy điều hành của Ban chỉ huy quân sự xã, thị trấn; đã tổ chức diễn tập thực binh chiến đấu phòng thủ theo Nghị quyết 28-NQ/TW của Bộ Chính trị cho 04 xã Ea Yông, Ea Kênh, Ea Knuéc, Hòa Đông và 01 đơn vị Công ty cà phê Thắng Lợi.

Quản lý chặt chẽ vũ khí trang bị kỹ thuật được biên chế, thực hiện thường xuyên công tác kiểm tra việc quản lý, sử dụng vũ khí, trang bị kỹ thuật và các phương tiện tham gia giao thông.

4.2. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội:

Công an huyện đã tập trung thực hiện đồng bộ các mặt công tác, tổ chức các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về trật tự an toàn xã hội, góp phần giữ vững an ninh chính trị, không để xảy ra đột biến, bất ngờ. Tuy nhiên, một số vụ việc phức tạp liên quan đến an ninh nông thôn chưa được giải quyết dứt điểm, người dân còn tiếp tục tranh chấp khiếu kiện.

Đã phối hợp với các lực lượng chức năng gọi hỏi, đấu tranh với 18 lượt đối tượng liên quan hoạt động FULRO, “Tin Lành Đấng Christ” và vượt biên qua Campuchia; phối hợp tổ chức phát động quần chúng, đưa các đối tượng vượt biên, hoạt động FULRO và “Tin lành Đấng Christ” ra kiểm điểm trước dân, có khoảng 610 người tham dự; gặp gỡ, tiếp xúc với 04 trường hợp là thân nhân của 04 đối tượng vượt biên qua Thái Lan để nắm lại một số tình hình liên quan, đồng thời tuyên truyền, vận động không để các đối tượng bị tuyên truyền, lôi kéo vượt biên, gây phức tạp tình hình. Gọi hỏi, đấu tranh với 01 đối tượng ở Thôn 1, xã Tân Tiến tham gia tổ chức phản động “Chính phủ quốc gia Việt Nam lâm thời”; 04 đối tượng ở

xã Hoà Đông, Hoà An và xã Tân Tiến có hành vi tuyên truyền lôi kéo người dân biểu tình phản đối Dự thảo luật đơn vị hành chính kinh tế đặc biệt, Luật an ninh mạng. Phối hợp với các phòng nghiệp vụ Công an tỉnh làm việc với 03 đối tượng chống đối chính trị có hành vi quá khích, hô hào, kêu gọi, kích động các giáo viên hợp đồng chống đối tại Trụ sở UBND huyện vào ngày 12/3/2018. Qua làm việc đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 02 đối tượng với tổng số tiền 04 triệu đồng.

Ghi nhận 90 vụ xâm phạm trật tự xã hội (*không tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2017*), làm chết 02 người, bị thương 22 người, tài sản thiệt hại khoảng 1.758.840.000đ. Điều tra làm rõ 79/90 vụ, đạt tỷ lệ 87,77% (*tăng 1,73% so với cùng kỳ năm 2017*), bắt 153 đối tượng, thu hồi tài sản trị giá 887.960.000đ. Triệt phá 29 tụ điểm cờ bạc (*nhiều hơn 13 vụ so với cùng kỳ năm 2017*), bắt 163 đối tượng, thu giữ 293.138.500đ (*khởi tố 15 vụ, 62 bị can; xử lý hành chính 12 vụ, 82 đối tượng với tổng số tiền 120.408.000đ; chuyển PC01 thụ lý 02 vụ, 19 bị can*).

Phát hiện, bắt giữ 15 vụ, 16 đối tượng phạm tội và tệ nạn ma tuý (*nhiều hơn 03 vụ, 04 đối tượng so với cùng kỳ năm 2017*). Thu giữ: 0,2923 gam hêrôin; 5,0849 gam ma tuý đá; 3,6kg cây cần sa tươi; khởi tố 11 vụ, 13 bị can về tội danh “*Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma tuý*”; xử lý hành chính 02 vụ, 02 đối tượng với tổng số tiền 3.000.000đ; lập 10 hồ sơ cai nghiện bắt buộc; 04 hồ sơ cai nghiện tự nguyện; lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, thị trấn đối với 35 đối tượng sử dụng trái phép chất ma tuý; tiến hành test 79 đối tượng; gọi hỏi răn đe 47 đối tượng có dấu hiệu sử dụng ma tuý phục vụ công tác quản lý.

Phát hiện, điều tra 30 vụ, 31 đối tượng xâm phạm về trật tự quản lý kinh tế (*nhiều hơn 09 vụ so với cùng kỳ năm 2017*). Thu giữ: 24 kg pháo nổ; 12,566 m³ gỗ các loại; 658 bao thuốc lá điều nhập lậu; 105 kg thịt lợn không rõ nguồn gốc. Khởi tố 01 vụ, 01 đối tượng (*Buôn bán hàng cấm*); xử lý hành chính 26 vụ, 27 đối tượng với tổng số tiền 210.550.000đ; chuyển ngành khác xử lý theo chức năng 01 vụ; đang điều tra 02 vụ.

Phát hiện 43 vụ, 43 cá nhân vi phạm pháp luật về môi trường (*nhiều hơn 12 vụ so với cùng kỳ năm 2017*), thu giữ 4.618kg sấu riêng, 250kg thịt lợn, 25 gói thuốc bảo vệ thực vật, 01 bè tự chế, 01 máy bơm; chủ yếu là hành vi nhúng sấu riêng vào hoá chất không rõ nguồn gốc. Xử lý hành chính 41 vụ, 41 cá nhân với tổng số tiền 454.250.000đ, chuyển ngành khác xử lý theo chức năng 01 vụ, đang xác minh 01 vụ.

Tổ chức 152 lượt kiểm tra đối với các cơ sở kinh doanh có điều kiện về ANTT, phát hiện, xử lý hành chính 01 cơ sở vi phạm với số tiền 750.000đ; thẩm định cấp mới 12 giấy chứng nhận điều kiện về ANTT; cấp đổi 52 giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT.

Tai nạn giao thông nghiêm trọng trở lên xảy ra 33 vụ, làm chết 31 người, bị thương 13 người, hư hỏng 53 phương tiện các loại (*tăng 06 vụ, 05 người chết so với cùng kỳ năm 2017*); va chạm giao thông xảy ra 06 vụ, 08 người bị thương (*Giảm 12 vụ, 15 người bị thương so với cùng kỳ năm 2017*). Triển khai đồng bộ các

biện pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông, chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông. Tổ chức 16 buổi tuyên truyền Luật Giao thông đường bộ, có 7.257 lượt người tham dự, phát 1.150 tờ rơi, làm mới 06 pano tuyên truyền. Tăng cường tuần tra kiểm soát phát hiện 8.699 trường hợp vi phạm Luật giao thông đường bộ, ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 8.545 trường hợp, Kho bạc Nhà nước thu phạt 2.831.260.000đ.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2018 với sự đoàn kết, thống nhất cao của tập thể, UBND huyện đã chỉ đạo, triển khai kịp thời các Nghị quyết của Đảng bộ huyện, Nghị quyết của HĐND huyện; tập trung đẩy mạnh các biện pháp, tổ chức thực hiện, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; cùng với sự phấn đấu, nỗ lực của các cấp, các ngành và nhân dân, từ đó đã thực hiện cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch đã đề ra.

Ưu điểm:

- Về kinh tế: Sản xuất nông nghiệp luôn được quan tâm đẩy mạnh, phát triển, các tiến bộ khoa học kỹ thuật được ứng dụng kịp thời. Công trình thủy lợi trên địa bàn huyện đảm bảo tốt nguồn nước phục vụ cho sản xuất, sinh hoạt; một số loại nông sản như bơ và sầu riêng có giá trị kinh tế cao được phát triển; một số công trình cơ sở hạ tầng đã được đầu tư nâng cấp phục vụ kịp thời cho sản xuất và đời sống nhân dân; hoạt động thương mại - dịch vụ, đầu tư phát triển mạnh; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã mang lại hiệu quả thiết thực, đời sống nhân dân được cải thiện hơn, bộ mặt nông thôn ngày càng được đổi mới.

- Về văn hoá xã hội: Công tác giáo dục và đào tạo được quan tâm, đã chú trọng nâng cao chất lượng dạy và học, triển khai nhiệm vụ năm học 2018 - 2019 đảm bảo theo quy định. Quan tâm chăm sóc tốt sức khỏe cho nhân dân, công tác quản lý y tế, dược phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm thường xuyên được quan tâm, kịp thời chấn chỉnh những sai sót trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Các hoạt động Văn hóa – Thể thao, thông tin tuyên truyền luôn được đẩy mạnh, nội dung phong phú, sinh động thu hút được sự quan tâm hưởng ứng của nhân dân, góp phần truyền tải các chủ trương đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước đến nhân dân. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách đối với người có công và đối tượng hộ nghèo, giải quyết việc làm, dạy nghề, cho người lao động; tích cực phòng, chống tệ nạn xã hội có hiệu quả; thực hiện tốt công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới.

- Về quốc phòng, an ninh: Được các cấp, các ngành trong hệ thống chính trị quan tâm triển khai thường xuyên, đồng bộ, hiệu quả. Bảo đảm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu thường xuyên; giữ vững tình hình an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Tồn tại, hạn chế:

- Về kinh tế:

Một số chỉ tiêu không đạt kế hoạch như: Việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp còn chậm, mạng lưới thông tin chưa đa dạng, chưa tạo được ý thức rộng rãi trong nhân dân, nhất là trang bị các kiến thức về tiêu chuẩn

hàng hoá nông sản của thị trường khu vực và thế giới; tỷ lệ thu gom xử lý rác thải tại thị trấn Phước An và trung tâm các xã; đầu tư nâng cấp bê tông, nhựa đường liên xã, thị trấn; số hộ gia đình sử dụng điện.

Tiến độ triển khai thực hiện dự án khu đô thị Đông Bắc, thị trấn Phước An còn chậm.

- Về văn hóa - xã hội:

Công tác kiểm tra chuyên ngành, kiểm tra hoạt động chuyên môn của giáo viên; công tác xây dựng trường chuẩn Quốc gia chưa đạt theo kế hoạch.

Việc xử lý cơ sở vi phạm về bảo đảm an toàn thực phẩm chưa kiên quyết, còn nương nhẹ, chủ yếu chỉ tuyên truyền nhắc nhở.

- Về quốc phòng, an ninh: Trên địa bàn tình hình hoạt động móc nối, liên lạc của FULRO lưu vong vẫn còn. Các vụ tranh chấp, khiếu kiện đất đai vẫn còn xảy ra; an ninh tôn giáo, an ninh nông thôn một số nơi còn tiềm ẩn phức tạp khó lường.

Nguyên nhân:

- Về kinh tế:

Việc chuyển đổi cây trồng một cách tự phát, thiếu quy hoạch, kỹ thuật canh tác, cơ cấu giống, phòng trừ sâu bệnh... còn gặp nhiều khó khăn và nhất là giá cả, thị trường không ổn định từ đó tính ổn định và bền vững các mô hình chưa cao; việc phân chia chuỗi giá trị trong nông nghiệp còn bất cập, chưa rõ ràng, nông dân luôn ở thế bị động, các đơn vị thu mua có lợi thế sẽ phân chia ép nông dân ở tình thế yếu, trong khi tỷ lệ đầu tư của nông dân lại cao.

Đầu tư nâng cấp bê tông, nhựa đường liên xã, thị trấn không đạt do nguồn vốn đầu tư hạn chế.

Tỷ lệ hộ dùng điện không đạt kế hoạch do số hộ mới tách hộ, số hộ ở xa bán kính cấp điện của ngành điện.

Việc triển khai thực hiện dự án khu đô thị Đông Bắc, thị trấn Phước An chậm tiến độ do nhiều nguyên nhân: vướng mắc đền bù, hỗ trợ, thu hồi đất, di dời tài sản, giải phóng mặt bằng, không có mặt bằng thi công.

- Về văn hóa - xã hội:

Công tác xây dựng trường chuẩn Quốc gia chưa đạt theo kế hoạch do thực hiện theo quy định mới vừa kiểm định chất lượng và kết hợp kiểm tra trường chuẩn nên không kịp hoàn chỉnh hồ sơ để được công nhận.

Quá trình triển khai thực hiện trong công tác đảm bảo an toàn thực phẩm vẫn gặp nhiều khó khăn nhất định về nguồn lực, kinh phí hoạt động nên hiệu quả chưa cao.

- Về quốc phòng, an ninh:

Có lúc, có nơi chưa kiểm soát chặt chẽ hoạt động của bọn phản động FULRO lưu vong ở nước ngoài, từ đó xảy ra hoạt động thông tin, liên lạc móc nối với cơ sở ngầm bên trong trên địa bàn. Tình hình tranh chấp, khiếu kiện đất đai ở một số nơi của người kinh, đồng bào dân tộc thiểu số với các doanh nghiệp, với các Chương trình đầu tư xảy ra, do không thống nhất được mức chi phí bồi thường,

hỗ trợ. Về an ninh tôn giáo một số nơi vẫn chưa chắc tình hình; công tác quản lý, phối hợp tuyên truyền ở một số nơi hiệu quả thấp.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG, CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NĂM 2019

Để tiếp tục cụ thể hóa thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2015 – 2020 theo từng năm. UBND huyện đề ra các chỉ tiêu, giải pháp thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trong năm 2019 cụ thể như sau:

A. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

I. LĨNH VỰC KINH TẾ

1. Tăng trưởng kinh tế 9,5%, trong đó: Nông, lâm, ngư nghiệp tăng 4,91%; Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng tăng 15,85%; Dịch vụ tăng 15,92%.
2. Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm, ngư nghiệp 58,37%; Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng 15,42%; Dịch vụ 26,21%.
3. Tổng diện tích gieo trồng 58.634 ha, gồm:
 - Diện tích cây hàng năm 35.000 ha, trong đó: Lúa nước 14.700 ha, ngô 12.300 ha, các loại cây trồng khác 8.000 ha.
 - Diện tích cây lâu năm 23.634 ha, trong đó: Cà phê 18.123 ha, cao su 1.141 ha, điều 745 ha, hồ tiêu 1.425 ha, cây trồng khác 2.200 ha.
4. Tổng sản lượng lương thực 180.000 tấn, trong đó: Thóc 100.000 tấn, ngô 80.000 tấn. Sản lượng cà phê nhân xô 38.000 tấn.
5. Đảm bảo nước tưới đạt 78,10% diện tích gieo trồng có nhu cầu tưới.
6. Chăn nuôi: Tổng đàn trâu 4.420 con, đàn bò 33.000 con, đàn lợn 230.000 con. Tổng đàn gia cầm: 1.500.000 con.
7. Diện tích nuôi thả cá 1.900 ha; sản lượng đánh bắt 2.500 tấn.
8. Độ che phủ rừng 4,7%.
9. Cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp 1.155 cơ sở.
10. 100% thôn, buôn có điện; 100% hộ gia đình có điện sinh hoạt.
11. Đầu tư nâng cấp bê tông nhựa đường liên xã, thị trấn 90%; bê tông nhựa hoặc bê tông xi măng đường liên thôn, buôn, đường đô thị 43%.
12. Cơ sở thương mại - dịch vụ 5.530 cơ sở.
13. Thu ngân sách trên địa bàn 122.800 triệu đồng, trong đó: Thuế, phí và lệ phí 76.000 triệu đồng, thu biện pháp tài chính 46.800 triệu đồng. Tổng chi ngân sách 889.415 triệu đồng, trong đó: Chi đầu tư xây dựng cơ bản 32.000 triệu đồng, chi thường xuyên 774.606 triệu đồng, chi dự phòng ngân sách 15.782 triệu đồng, chi thực hiện các mục tiêu 67.027 triệu đồng.
14. Huy động vốn toàn xã hội 2.113 tỷ đồng.
15. Thu nhập bình quân đầu người 42 triệu đồng/người/năm.
16. Thu gom xử lý rác thải tại khu vực Trung tâm thị trấn Phước An 80% trở lên; khu vực Trung tâm các xã 75% trở lên.

17. 100% dân cư thị trấn sử dụng nước hợp vệ sinh; 93% dân cư nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

18. Phần đầu xây dựng 03 xã (Ea Knuéc, Krông Búk và Ea Uy) hoàn thành 19 tiêu chí nông thôn mới năm 2019; đối với các xã còn lại, mỗi xã phần đầu hoàn thành từ 02 tiêu chí trở lên.

II. LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Duy trì tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn 100%; duy trì tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn 65,37%.

2. Nâng tỷ lệ trẻ được ăn bán trú trong các trường Mầm non, Mẫu giáo đạt tỷ lệ 85%.

3. Tỷ lệ lên lớp bậc Tiểu học đạt 99%; Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học 98%. Tỷ lệ lên lớp bậc THCS đạt 98,5%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS 99%.

4. Công nhận 05 trường đạt chuẩn quốc gia; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia 50,51%.

5. Giảm tỷ suất sinh 0,23%; tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm đủ 8 loại vaccine 95%; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ đạt trên 80%; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1,0%.

6. Phần đầu 97% số hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hóa; 210 thôn, buôn, tổ dân phố được công nhận, tái công nhận thôn, buôn, tổ dân phố văn hóa. Tổ chức 10 giải thể thao cấp huyện.

7. Giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm 2-3%.

8. Duy trì 100% xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế.

9. Vận động 450 triệu đồng “Quỹ đền ơn đáp nghĩa”.

10. Mở 10 lớp đào tạo nghề, với 350 lao động nông thôn. Giải quyết việc làm mới cho 3.200 lao động, trong đó: Lao động ngoài tỉnh 2.100 lao động, xuất khẩu lao động 35 người/năm. Tỷ lệ lao động qua đào tạo 48%, tỷ lệ qua đào tạo nghề đạt 40%.

III. LĨNH VỰC NỘI CHÍNH VÀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN

1. Dự kiến triển khai 05 Đoàn thanh tra kinh tế - xã hội tại 35 đơn vị, trong đó cấp xã 05 đơn vị, trường học 30 đơn vị; 02 Đoàn thanh tra quản lý đất đai 02 xã; 02 Đoàn thanh tra trách nhiệm 02 xã; 01 Đoàn thanh tra việc quản lý và sử dụng nguồn vốn sự nghiệp giáo dục tại 01 đơn vị. Thực hiện tốt công tác tiếp dân; xử lý và giải quyết kịp thời đúng pháp luật đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân. Tăng cường công tác Thanh tra; thực hiện có hiệu quả chương trình phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường quy chế dân chủ ở cơ sở.

2. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật, nhằm nâng cao nhận thức và hiểu biết pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân.

3. Phần đầu cải thiện vị trí thứ hạng chỉ số cải cách hành chính của huyện đạt từ 82 điểm trở lên.

4. Tuyển dụng, bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo đúng tiêu chuẩn theo Đề án vị trí việc làm. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính,

nâng cao trách nhiệm và hiệu quả công tác của cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về tôn giáo.

4. Triển khai nhiệm vụ quốc phòng, quân sự gắn nền quốc phòng toàn dân với thế trận an ninh nhân dân vững chắc, đảm bảo giữ vững ổn định an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, không để xảy ra đột biến, bất ngờ. Xây dựng lực lượng dự bị động viên đạt 100%; tổ chức huấn luyện quân sự cho lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên đạt 100%; tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu trên giao. Tổ chức diễn tập chiến đấu trị an theo Nghị quyết số 28-NQ/BCT của Bộ Chính trị cho 4 xã, thị trấn: Thị trấn Phước An, xã Hoà An, Ea Yiêng, Vụ Bản và 01 đơn vị Công ty cà phê 719.

5. Phân đấu kiềm chế, giảm tai nạn giao thông từ 10% trở lên cả 3 tiêu chí; tỷ lệ điều tra làm rõ số vụ án hình sự đạt trên 85%, trong đó điều tra làm rõ trên 90% án hình sự nghiêm trọng, rất nghiêm trọng.

B. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. LĨNH VỰC KINH TẾ

1. Xây dựng kế hoạch tập trung thực hiện các giải pháp để đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh phát triển, từng bước nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp và từng sản phẩm; khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã phát triển sản xuất theo chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu ngành nghề hợp lý. Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chăn nuôi; đưa vào sản xuất các giống tốt có năng suất, chất lượng cao, chống, chịu sâu bệnh, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu của địa phương. Chỉ đạo, hướng dẫn nhân dân sản xuất theo Kế hoạch, quy trình. Khuyến khích nhân dân sử dụng các loại phân bón, thuốc trừ sâu thân thiện với môi trường nhằm tạo ra sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật phục vụ sản xuất nông nghiệp. Thường xuyên tổ chức các đợt kiểm tra các hoạt động sản xuất, kinh doanh giống, vật tư nông lâm nghiệp trên địa bàn để bảo vệ quyền lợi cho nông dân. Thực hiện tốt chương trình tái canh cây cà phê, áp dụng các biện pháp thâm canh, xen canh cây trồng, cải tạo diện tích cà phê theo hướng bền vững.

Kiểm soát chặt chẽ tình hình sản xuất kinh doanh giống, thức ăn, thuốc thú y trên địa bàn huyện; chủ động công tác vệ sinh thú y, tiêu độc khử trùng định kỳ các cơ sở, các hộ chăn nuôi và các khu vực buôn bán gia súc gia cầm để kiểm soát dịch bệnh. Tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật nuôi trồng thủy sản cho người dân trên địa bàn, đặc biệt là các đối tượng có giá trị kinh tế cao; thực hiện các mô hình thủy sản nhằm chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người dân; thả cá giống bổ sung, tái tạo nguồn lợi thủy sản tại các hồ đập trên địa bàn nhằm tạo sinh kế cho người dân sống xung quanh hồ, đập.

Tăng cường thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng, tăng độ che phủ rừng. Tổ chức tập huấn, hội thảo, triển khai các mô hình, phổ biến các văn bản pháp luật trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp.

Thực hiện tốt công tác phòng, chống bão lụt và giảm nhẹ thiên tai; khai thác có hiệu quả các công trình thủy lợi, điều tiết nước tưới hợp lý, huy động lực lượng lao động địa phương làm thủy lợi, khơi thông dòng chảy đảm bảo nhu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp, khuyến khích nông dân tưới nước tiết kiệm.

2. Tuyên truyền cho các cơ sở sản xuất gạch thực hiện lộ trình chuyển đổi mô hình sản xuất gạch không nung.

3. Khuyến khích, kêu gọi sự tham gia đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài huyện phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn huyện.

4. Huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, các công trình hạ tầng quan trọng. Đảm bảo cân đối thu, chi ngân sách nhà nước theo chỉ tiêu kế hoạch.

5. Tăng cường mở rộng hoạt động bán buôn, bán lẻ, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển dịch vụ; đảm bảo kinh doanh bình đẳng, ngăn ngừa tình trạng kinh doanh hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng.

6. Tiếp tục triển khai, đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng toàn bộ dự án khu đô thị Đông Bắc; tạo điều kiện phát triển các dự án trên địa bàn; lập phương án đấu giá quyền sử dụng đất khi đủ điều kiện. Rà soát quy hoạch tổng thể của huyện và điều chỉnh quy hoạch xây dựng phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Tăng cường công tác quản lý quy hoạch, triển khai cụ thể hóa quy hoạch đã được phê duyệt.

7. Phát triển kết cấu hạ tầng, thực hiện tốt công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản. Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát chất lượng xây dựng công trình. Có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng, đầu tư các tuyến đường đã xuống cấp, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn đầu tư của Nhà nước. Tập trung vốn cho các công trình cấp bách, công trình phục vụ phòng chống thiên tai, bão lụt, công trình xây dựng nông thôn mới. Tập trung giải quyết những tồn đọng trong việc đền bù, giải phóng mặt bằng các dự án.

8. Tăng cường quản lý nguồn thu ngân sách trên địa bàn, đảm bảo thu đúng, thu đủ, chống thất thu, buôn lậu, gian lận thuế; xử lý nghiêm các trường hợp nợ đọng thuế, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp và các đối tượng nộp thuế; đảm bảo nguồn thu cân đối ngân sách của địa phương; quản lý, sử dụng ngân sách hiệu quả. Thực hiện nghiêm túc việc phân cấp ngân sách cho các đơn vị và các xã, thị trấn theo đúng quy định. Kịp thời cấp phát các khoản kinh phí thực hiện chế độ, chính sách của Nhà nước.

9. Thường xuyên kiểm tra quản lý tài nguyên đất đai, khoáng sản và môi trường theo quy hoạch; tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật. Thường xuyên giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai của các tổ chức và hộ gia đình cá nhân như: cấp mới, chuyển mục đích sử dụng đất; thực hiện các quyền của người sử dụng đất cho nhân dân theo quy định của Pháp luật. Thực hiện có hiệu quả chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

10. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, phát huy cao sự tích cực, chủ động tham gia thực hiện Chương trình của người dân và sự quan tâm của toàn xã hội, phổ biến những cách làm hay, các mô hình hiệu quả để cán bộ, nhân dân được biết để từ đó nhân rộng và chủ động thực các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; phát huy nguồn vốn lòng ghép một cách có hiệu quả trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giải ngân kịp thời nguồn vốn bố trí xây dựng nông thôn mới.

11. Thực hiện tốt chế độ, chính sách của Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

II. LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Công tác Giáo dục và Đào tạo

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm phát triển giáo dục là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và toàn dân, từ đó xây dựng các chương trình phối hợp với các cấp, các ngành, các đoàn thể, các tổ chức xã hội, nhằm huy động các nguồn lực xã hội trực tiếp tham gia và hỗ trợ các hoạt động giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục, phải bám sát thực tiễn, bám sát cơ sở một cách có hệ thống, tìm tòi, phát hiện và nhân rộng mô hình tốt, giải quyết kịp thời, dứt điểm những khó khăn vướng, phát sinh, nhất là tình trạng học sinh bỏ học, tình trạng thừa thiếu giáo viên cục bộ, từng bước xóa bỏ tình trạng cơ sở vật chất trường học tạm bợ, xuống cấp.

- Chú trọng công tác kiểm tra chuyên đề, định kỳ và đột xuất tại các trường học. Kịp thời chấn chỉnh và khắc phục những tồn tại, hạn chế, yếu kém liên quan đến công tác quản lý, giảng dạy, tài chính...

2. Công tác Y tế chăm sóc sức khỏe nhân dân

Tiếp tục nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện Chuẩn Quốc gia về y tế xã, chỉ đạo công tác phòng bệnh trên địa bàn huyện đặc biệt chú trọng giám sát theo dõi dịch cúm A(H5N1), cúm A(H7N9), bệnh sốt xuất huyết, bệnh Tay - Chân - Miệng, đề xuất các biện pháp phòng, chống dịch kịp thời. Quan tâm đến công tác bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm. Thường xuyên kiểm tra các cơ sở hành nghề y dược trên địa bàn huyện. Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh cho các đối tượng bảo hiểm y tế, các đối tượng chính sách, trẻ em, người nghèo...tăng cường cung ứng thuốc kịp thời cho người bệnh; thực hiện tốt công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình...

3. Văn hóa - Thể thao và Thông tin tuyên truyền

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị và xã, thị trấn để giải quyết công việc chuyên môn và giải quyết thủ tục hành chính với tổ chức, cá nhân. Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng về nội dung và hình thức tuyên truyền để truyền tải thông tin về các chủ trương của Đảng chính sách pháp luật của nhà nước; các sự kiện, lễ hội lớn của đất nước và địa phương đến với nhân dân.

- Thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội, bài trừ các hủ tục, mê tín dị đoan, góp phần xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống và

đời sống văn hóa lành mạnh, tiên bộ ở cơ sở. Xây dựng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” phát triển bền vững, tạo tiền đề xây dựng xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; đồng thời, gắn với việc tiếp tục thực hiện “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, tạo thành phong trào thi đua liên tục và sôi nổi; xây dựng các mô hình phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn huyện.

- Tăng cường quản lý các hoạt động văn hóa, kinh doanh sản phẩm văn hóa trên địa bàn.

- Nâng cao chất lượng tin, bài, phóng sự, chuyên mục phát thanh – truyền hình bằng tiếng phổ thông và tiếng Êđê.

4. Các chính sách an sinh xã hội

- Thực hiện kịp thời các chế độ liên quan đến các đối tượng chính sách người có công. Tổ chức đồng viên thăm hỏi đối với gia đình chính sách người có công với cách mạng nhân dịp tết Nguyên đán Mậu Tuất 2019 và kỷ niệm 72 năm ngày Thương binh, Liệt sĩ. Vận động 450 triệu đồng Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa”, xây dựng mới 4 nhà và sửa chữa 10 nhà ở cho gia đình chính sách gặp khó khăn về nhà ở huy động từ nguồn “Quỹ đền ơn đáp nghĩa” huyện.

- Xây dựng Kế hoạch về công tác điều tra cung, cầu lao động; tổ chức tập huấn cập nhật biến động lao động cung cầu lao động năm 2019 cho trưởng các thôn, buôn, tổ dân phố của 16 xã, thị trấn trong toàn huyện. Giải quyết việc làm mới cho 3.200 lao động, trong đó: Lao động ngoài tỉnh 2.100 lao động; xuất khẩu lao động 35 người; mở 10 lớp đào tạo sơ cấp nghề cho 350 lao động nông thôn theo Đề án 1956 trên địa bàn huyện. Tỷ lệ lao động qua đào tạo 48%, tỷ lệ qua đào tạo nghề đạt 40%.

- Phối hợp với ngân hàng chính sách xã hội huyện về việc giải quyết cho các hộ nghèo, cận nghèo được vay vốn sản xuất kinh doanh; lập kế hoạch khảo sát, điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2019 được thụ hưởng năm 2020, chỉ tiêu giảm 2-3%.

- Ngoài ra chú trọng đến công tác phòng, chống ma túy, mại dâm; điều tra, rà soát người nghiện ma túy có số lượng cụ thể trên địa bàn huyện; tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng; cai nghiện tại trung tâm. Thường xuyên quan tâm chăm sóc, bảo vệ quyền lợi của trẻ em, rà soát trẻ em lang thang và trẻ em có nguy cơ lang thang đề nghị có chính sách giúp đỡ, quản lý... Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về giới và ý thức trách nhiệm thực hiện bình đẳng giới cho cán bộ, Đảng viên, các tầng lớp nhân dân, lên án, đấu tranh chống tư tưởng coi thường phụ nữ, các hành vi phân biệt đối xử, xâm hại, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ.

III. LĨNH VỰC NỘI CHÍNH VÀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN

1. Thanh tra, Tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Thanh tra: Thanh tra việc thực hiện thu - chi ngân sách xã và thanh tra việc quản lý ngân sách, nguồn đóng góp của cha mẹ học sinh đối với các trường học trên địa bàn các xã, thị trấn: Xã Ea Phê, Hòa Tiến, Krông Buk, Hòa An; thị trấn Phước An; Thanh tra việc chấp hành pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo và

phòng chống tham nhũng đối với: UBND xã Ea Hiu, UBND xã Vụ Bản; Thanh tra việc chấp hành pháp luật về quản lý đất đai và thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với: UBND xã Tân Tiến, UBND xã Ea Kênh. Đôn đốc các đơn vị thực hiện tốt quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo: Tiếp tục chỉ đạo các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết kịp thời, triệt để đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, không để xảy ra việc khiếu kiện đông người phức tạp gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; kiểm tra, rà soát và xử lý các vụ việc còn tồn đọng, kéo dài để giải quyết dứt điểm các vụ việc.

2. Công tác Tư pháp

Tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy Tư pháp - Hộ tịch xã, thị trấn; nâng cao chất lượng xây dựng đội ngũ cán bộ Tư pháp trong sạch, vững mạnh đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, cải cách tư pháp.

Nâng cao năng lực công tác xây dựng, theo dõi thi hành pháp luật, quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; đảm bảo các văn bản QPPL do HĐND, UBND ban hành đúng trình tự, thẩm quyền, nội dung phù hợp với pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của huyện.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo phương châm “hướng mạnh về cơ sở”, gắn với kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động hòa giải ở cơ sở, tủ sách pháp luật và xây dựng, thực hiện có hiệu quả hương ước, quy ước tại thôn, buôn, tổ dân phố.

3. Công tác xây dựng chính quyền

Tiếp tục kiện toàn, củng cố và nâng cao năng lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; cơ cấu tổ chức bộ máy, phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ, sắp xếp bộ máy tinh gọn, đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác của cán bộ, công chức, viên chức toàn huyện.

Tiếp tục việc thực hiện phương án sáp nhập những đơn vị hành chính cấp xã và thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn huyện từ nay đến năm 2021. Xây dựng kế hoạch thi tuyển viên chức sự nghiệp giáo dục để đáp ứng nhu cầu và chỉ tiêu đã giao về các trường học trong thời gian tới; xây dựng kế hoạch tuyển dụng cán bộ công chức cấp xã trên địa bàn huyện theo kế hoạch của UBND tỉnh đề ra.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công tác quản lý nhà nước ở cơ sở, chủ động phát hiện sai sót và xử lý kịp thời. Đẩy mạnh công tác phổ biến tuyên truyền thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Xây dựng kế hoạch đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị, chú trọng biện pháp nâng cao các chỉ tiêu thành phần, nhất là chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa hành chính; đảm bảo hệ thống hành chính từ huyện đến các xã, thị trấn hoạt động thông suốt, hiệu quả. Tăng cường kiểm tra việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức hoạt động tại bộ phận 1 cửa 1 cửa liên thông từ huyện đến xã, thị trấn.

Quản lý, hướng dẫn các tôn giáo tổ chức các hoạt động sinh hoạt, thờ tự theo đúng quy định của pháp luật.

4. Công tác quốc phòng, quân sự

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, chỉ đạo chặt chẽ công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng bảo đảm cho cán bộ các cấp nắm, nhận thức đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực quốc phòng để triển khai thực hiện đúng quy định của pháp luật. Thường xuyên chỉ đạo hướng dẫn làm tốt công tác tuyên truyền về nhiệm vụ quốc phòng trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, tích cực tổ chức nghiên cứu, học tập cho cán bộ đảng viên và nhân dân về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân trong thời kỳ mới. Tổ chức các đoàn kiểm tra việc thực hiện công tác quân sự, quốc phòng năm 2018 đối với UBND các xã, thị trấn.

5. An ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội

- Về an ninh - chính trị: Tăng cường triển khai lực lượng tuần tra, kiểm soát, phối hợp với các lực lượng nắm chắc tình hình trong nhân dân, có biện pháp tiếp tục giữ vững an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội. Đấu tranh xoá bỏ các đối tượng hoạt động FULRO ngấm trên địa bàn; kiên quyết xoá bỏ Tà đạo và các hoạt động tôn giáo trái phép; không để xảy ra “điểm nóng” về an ninh nông thôn.

- Về trật tự an toàn xã hội: Tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực trật tự an toàn xã hội; triển khai đồng bộ các mặt công tác của lực lượng công an; mở các đợt cao điểm truy quét, tấn công trấn áp các loại tội phạm, nhất là tội phạm hình sự, tội phạm có tổ chức, tội phạm mua, bán chất ma túy... nhằm đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự trong các dịp lễ, tết trên địa bàn.

Thực hiện quyết liệt các giải pháp quản lý trật tự giao thông đường bộ, đẩy mạnh công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm luật giao thông đường bộ, nhằm giảm tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí về số vụ, số người chết, số người bị thương.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác năm 2018 và phương hướng, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2019 của UBND huyện Krông Pắc./. *Phan*

Nơi nhận: *Hand*

- UBND tỉnh;
 - Sở Kế hoạch và Đầu tư;
 - Thường trực Huyện ủy;
 - Thường trực HĐND huyện;
 - Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
 - Các phòng, ban, đơn vị thuộc huyện;
 - Lãnh đạo VP HĐND&UBND huyện;
 - UBND các xã, thị trấn;
 - Lưu: VT.
- Đề báo cáo

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Y Suôn Byă

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019
(Kèm theo Báo cáo số 530 /BC-UBND, ngày 13 /12/2018 của UBND huyện)

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Tỷ lệ % ước thực hiện năm 2018 so với KH 2018	Tỷ lệ % ước thực hiện năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực năm 2018				
I	KINH TẾ								
1	Tổng giá trị sản xuất (Giá SS 2010)	Tỷ đồng	6.612	7.238	7.307	100,96	110,52	8.001	
	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	%	9,38	9,47	10,52	111,07	112,12	9,50	
	Phân theo ngành kinh tế								
1.1	- Nông lâm, thủy sản	Tỷ đồng	3.990	4.222	4.255	100,79	106,65	4.464	
	Trong đó:								
	Trồng trọt	Tỷ đồng	2.716	2.798	2.821	100,83	103,88	2.944	
	Chăn nuôi	Tỷ đồng	1.199	1.341	1.351	100,75	112,68	1.422	
	Lâm nghiệp	Tỷ đồng	11	12	12	100,00	109,09	20	
	Thủy sản	Tỷ đồng	64	71	71	100,00	110,94	78	
1.2	- Công nghiệp - Xây dựng	Tỷ đồng	955	1.099	1.117	101,64	116,96	1.294	
	Trong đó: Công nghiệp	Tỷ đồng	670	771	782	101,43	116,72	909	
	Xây dựng	Tỷ đồng	285	328	335	102,13	117,54	385	
1.3	- Dịch vụ	Tỷ đồng	1.667	1.917	1.935	100,94	116,08	2.243	
	Trong đó: Thương mại	Tỷ đồng	858	992	1.004	101,21	117,02	1.168	
2	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	%	9,38	9,47	10,52			9,50	
	Trong đó								
	- Nông lâm, thủy sản	%	5,81	5,81	6,65	114,36	114,50	4,91	
	- Công nghiệp - Xây dựng	%	16,89	15,08	16,96	112,50	100,43	15,85	
	- Dịch vụ	%	14,41	15,00	16,08	107,20	111,54	15,92	
3	* Tổng giá trị sản xuất (giá hiện hành)	Tỷ đồng	10.076	11.003	11.125	101,11	110,41	12.123	
	Phân theo ngành kinh tế								
3.1	- Nông lâm, thủy sản	Tỷ đồng	6.330	6.696	6.749	100,79	106,61	7.077	
	Trong đó:								
	Trồng trọt	Tỷ đồng	4.321	4.451	4.488	100,83	103,86	4.684	
	Chăn nuôi	Tỷ đồng	1.907	2.133	2.149	100,75	112,67	2.262	
	Lâm nghiệp	Tỷ đồng	15	15	15	100,00	100,00	25	
	Thủy sản	Tỷ đồng	87	97	97	100,00	111,40	106	
3.2	- Công nghiệp - Xây dựng	Tỷ đồng	1.395	1.605	1.625	101,25	116,49	1.869	
	Trong đó: Công nghiệp	Tỷ đồng	997	1.147	1.158	100,96	116,15	1.332	
	Xây dựng	Tỷ đồng	398	458	467	101,97	117,34	537	
3.3	- Dịch vụ	Tỷ đồng	2.351	2.702	2.751	101,81	117,01	3.177	
	Trong đó: Thương mại	Tỷ đồng	1.210	1.398	1.420	101,57	117,36	1.640	
3	Cơ cấu kinh tế theo giá hiện hành								
	- Nông lâm, thủy sản	%	62,82	60,85	60,66	99,69	96,55	58,37	

Số TT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Tỷ lệ % ước thực hiện năm 2018 so với KH 2018	Tỷ lệ % ước thực hiện năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực năm 2018				
	- Công nghiệp - Xây dựng	%	13,84	14,59	14,61	100,14	105,51	15,42	
	- Dịch vụ	%	23,33	24,56	24,73	100,70	105,98	26,21	
4	Thu nhập bình quân đầu người (Giá hiện hành)	Tr. đồng	34,81	37,63	38,98	103,59	111,98	42,00	
5	Huy động vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	1.880	1.989	1.993	100,20	106,01	2.113	
II	THU CHI NGÂN SÁCH								
2.1	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Triệu đồng	109.500	112.000	112.320	100,29	102,58	122.800	
	<i>Trong đó:</i>								
	- Tổng thu ngân sách nhà nước về thuế phí, lệ phí	Triệu đồng	68.637	73.155	73.531	100,51	107,13	76.000	
	- Tổng thu ngân sách nhà nước về biện pháp tài chính	Triệu đồng	36.363	38.845	38.317	98,64	105,37	46.800	
	<i>Trong đó:</i>								
	+ Thu tiền sử dụng đất	Triệu đồng	31.322	32.745	32.745	100,00	104,54	40.000	
	+ Thu xử phạt hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông	Triệu đồng	3.298	4.000	2.983	74,58	90,45	4.800	
	+ Thu khác ngân sách	Triệu đồng	887	1.200	1.248	104,00	140,70	1.000	
	+ Thu tại xã	Triệu đồng	856	900	1.341	149,00	156,66	1.000	
	- Các khoản thu ngân sách NN được để lại quản lý qua ngân sách	Triệu đồng	4.500	0	472		10,49		
2.2	Chi ngân sách địa phương	Triệu đồng	864.217	817.409	947.625	115,93	109,65	889.415	
	<i>Trong đó:</i>								
2.2.1	Chi cân đối ngân sách	Triệu đồng	753.889	759.216	801.353	105,55	106,30	822.388	
	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	Triệu đồng	49.482	16.596	26.196	157,85	52,94	32.000	
	Chi thường xuyên	Triệu đồng	690.611	728.116	760.653	104,47	110,14	774.606	
	Dự phòng ngân sách	Triệu đồng	13.796	14.504	14.504	100,00	105,13	15.782	
2.2.2	Chi thực hiện một số mục tiêu, NV từ nguồn BS có mục tiêu	Triệu đồng	71.625	58.193	146.272	251,36	204,22	67.027	
2.2.4	Chi từ nguồn các năm trước chuyển sang	Triệu đồng	34.203				0,00		
III	NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT								
	Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản								
1	- Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản (giá SS 2010)	Tỷ đồng	3.990	4.222	4.255	100,79	106,65	4.464	
	Trồng trọt	Tỷ đồng	2.716	2.798	2.821	100,83	103,88	2.944	
	Chăn nuôi	Tỷ đồng	1.199	1.341	1.351	100,75	112,68	1.422	
	Lâm nghiệp	Tỷ đồng	11	12	12	100,00	109,09	20	
	Thủy sản	Tỷ đồng	64	71	71	100,00	110,94	78	
2	- Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản (theo giá hiện hành)	Tỷ đồng	6.330	6.696	6.749	100,79	106,61	7.077	
	+ Giá trị sản xuất ngành trồng trọt	Tỷ đồng	4.321	4.451	4.488	100,83	103,86	4.684	

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Tỷ lệ % ước thực hiện năm 2018 so với KH 2018	Tỷ lệ % ước thực hiện năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực năm 2018				
	+ Giá trị sản xuất chăn nuôi	Tỷ đồng	1.907,3	2.133	2.149	100,75	112,67	2.262	
	+ Giá trị sản xuất lâm nghiệp	Tỷ đồng	15	15	15	100,00	100,00	25	
	+ Giá trị sản xuất thủy sản	Tỷ đồng	87,07	97	97	100,00	111,40	106	
3	Tổng diện tích gieo trồng	Ha	57.920	57.950	58.564	101,06	101,11	58.634	
3.1	Diện tích cây hàng năm	Ha	34.955	34.985	35.036	100,15	100,23	35.000	
	Lúa	Ha	14.512	14.265	14.703	103,07	101,32	14.700	
	Ngô	Ha	12.223	12.500	12.399	99,19	101,44	12.300	
	Các loại cây trồng khác	Ha	8.220	8.220	7.934	96,52	96,52	8.000	
3.2	Diện tích cây lâu năm	Ha	22.965	22.965	23.528	102,45	102,45	23.634	
	Diện tích cà phê	Ha	17.907	17.907	18.123	101,21	101,21	18.123	
	Diện tích cao su	Ha	1.148	1.148	1.141	99,39	99,39	1.141	
	Diện tích điều	Ha	656	656	745	113,64	113,64	745	
	Diện tích hồ tiêu	Ha	1.160	1.160	1.425	122,84	122,84	1.425	
	Cây khác, cây ăn quả (Trồng xen)	Ha	2.094	2.094	2.094	100,00	100,00	2.200	
4	Sản phẩm chủ yếu	Tấn							
4.1	Sản lượng lương thực	Tấn	176.479	170.000	181.267	106,63	102,71	180.000	
-	Sản lượng thóc	Tấn	95.852	97.000	101.136	104,26	105,51	100.000	
-	Sản lượng ngô	Tấn	80.627	73.000	80.131	109,77	99,38	80.000	
4.2	Sản lượng cà phê nhân xô	Tấn	38.000	38.500	37.000	96,10	97,37	38.000	
5	Diện tích đảm bảo nước tưới	%	78,00	78,00	78,10	100,13	100,13	78,10	
6	Tổng đàn chăn nuôi								
	Trâu	Con	4.216	4.253	4.420	103,93	104,84	4.420	
	Bò	Con	30.698	32.224	32.224	100,00	104,97	33.000	
	Tổng đàn lợn	Con	238.858	219.693	220.000	100,14	92,10	230.000	
	Tổng đàn gia cầm	1000 con	1.372	1.400	1.413	100,93	102,99	1.500	
7	Thủy sản								
	Diện tích mặt nước nuôi cá	Ha	1.500	1.600	1.800	112,50	120,00	1.900	
	Sản lượng thủy sản đánh bắt	Tấn	2.250	2.400	2.430	101,25	108,00	2.500	
8	Trồng rừng								
	Trồng mới rừng	Ha	69	100	52	52,00	75,36		
	Độ che phủ của rừng	%	4,7	4,7	4,7	100,00	100,00	4,70	
9	Nước sinh hoạt								
	Dân cư thị trấn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	99,92	100,00	100,00	100,00	100,08	100,00	
	Dân cư nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	92,26	92,00	92,26	100,28	100,00	93,00	
10	Xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	3	4	4	100,00	133,33	3	
11	Môi trường								
	Tỷ lệ thu gom xử lý rác thải tại khu vực trung tâm thị trấn	%	92,26	95,00	94,00	98,95	101,89	80,00	

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Tỷ lệ % ước thực hiện năm 2018 so với KH 2018	Tỷ lệ % ước thực hiện năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực năm 2018				
	Tỷ lệ thu gom xử lý rác thải tại khu vực trung tâm các xã	%	92,26	93,00	79,00	84,95	85,63	75,00	
IV	CÔNG NGHIỆP - XÂY DỰNG								
1	Giá trị sản xuất ngành công nghiệp								
	Tổng số cơ sở công nghiệp - TTCN	Cơ sở	992	1.015	1.034	101,87	104,23	1.155	
	Giá trị sản xuất ngành công nghiệp (giá ss 2010)	Tỷ đồng	670	771	782	101,43	116,72	909	
	Giá trị sản xuất ngành công nghiệp (giá hiện hành)	Tỷ đồng	997	1.147	1.158	100,96	116,15	1.332	
3	Tỷ lệ thôn, buôn có điện	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
4	Tỷ lệ hộ được dùng điện	%	99,34	100,00	99,00	99,00	99,66	100,00	
5	Tổng số cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ	Cơ sở	5.055	5.040	5.315	105,46	105,14	5.530	
	Giá trị sản xuất ngành Dịch vụ (giá ss 2010)	Tỷ đồng	1.667	1.917	1.935	100,94	116,08	2.255	
	<i>Trong đó: Thương mại</i>	Tỷ đồng	858	992	1.004	101,21	117,02	1.168	
	Giá trị sản xuất ngành Dịch vụ (giá hiện hành)	Tỷ đồng	2.351	2.702	2.751	101,81	117,01	3.177	
	<i>Trong đó: Thương mại</i>	Tỷ đồng	1.210	1.398	1.420	101,57	117,36	1.640	
6	Giá trị sản xuất ngành xây dựng								
	Theo giá so sánh 2010	Tỷ đồng	285	328	335	102,13	117,54	385	
	Theo giá hiện hành	Tỷ đồng	398	458	467	101,97	117,34	537	
V	GIAO THÔNG VÀ VẬN TẢI								
1	Tỷ lệ nhựa hóa, bê tông hóa đường tỉnh	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
2	Tỷ lệ nhựa hóa, bê tông hóa đường xã, liên xã	%	89,00	91,00	89,00	97,80	100,00	90,00	
3	Tỷ lệ nhựa hóa, bê tông hóa đường thôn, liên thôn	%	39,00	41,00	41,00	100,00	105,13	43,00	
4	Tỷ lệ xã có đường nhựa đến trung tâm	%	87,00	100,00	87,00	87,00	100,00	100,00	
VI	Y TẾ								
1	Dân số trung bình	Ngàn người	213.740	215.877	215.877	100,00	101,00	218.036	
2	Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%	1,00	1,00	1,00	100,00	100,00	1,00	
3	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%	19,60	18,80	18,50	98,40	94,39	17,90	
4	Giảm tỷ suất sinh hàng năm	‰	0,30	0,25	0,25	100,00	83,33	0,23	
5	Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ phục vụ	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
6	Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
7	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm đủ 8 loại vaccine	%	95,00	95,00	90,00	94,74	94,74	95,00	
8	Số giường bệnh/1 vạn dân (không tính giường của trạm y tế)	Giường	6,36	6,38	6,48	101,57	101,89	7,00	
9	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế theo Quyết định của Thủ tướng chính phủ	%	73,00	78,59	78,59	100,00	107,66	>80,00	
VII	LAO ĐỘNG, XÃ HỘI								
1	Giảm tỷ lệ hộ nghèo / năm	%	3,02	3,00	3,01	100,33	100,33	2-3	
2	Giảm tỷ lệ lao động thiếu việc làm ở khu vực thành thị	%	2,40	2,35	2,35	100,00	102,13	2,30	

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Tỷ lệ % ước thực hiện năm 2018 so với KH 2018	Tỷ lệ % ước thực hiện năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực năm 2018				
3	Giảm tỷ lệ lao động thiếu việc làm ở khu vực nông thôn	%	3,40	3,35	3,35	100,00	101,49	3,30	
	Chính sách xã hội								
4	Vận động Quỹ đền ơn đáp nghĩa	Tr. đồng	661	450	694	154,22	105,04	450	
	Lao động việc làm								
5	Số lao động được giải quyết việc làm	Người	3.257	2.185	3.261	149,24	100,12	3.200	
6	Lao động làm việc ngoài tỉnh	Người	1.240	1.500	2.185	145,67	176,21	2.100	
7	Lao động xuất khẩu	Người	38	35	44	125,71	115,79	35	
8	Đào tạo lao động nông thôn	Lớp		10	10	100,00		10	
	<i>Số học viên được đào tạo nghề</i>	<i>Học viên</i>	<i>591</i>	<i>350</i>	<i>500</i>	<i>142,86</i>	<i>84,60</i>	<i>350</i>	
9	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	46,00	47,00	47,00	100,00	102,17	48,00	
10	Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	%	38,00	39,00	39,00	100,00	102,63	40,00	
VIII	GIÁO DỤC								
1	Tỷ lệ trẻ được ăn bán trú trong các trường mầm non, mẫu giáo	%	42,42	83,00	83,00	100,00	195,66	85,00	
2	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	42,42	46,46	46,46	100,00	109,52	52,53	
3	Xây dựng thêm trường chuẩn quốc gia	Trường	6	5	3	60,00	50,00	5	
4	Tỷ lệ lên lớp bậc tiểu học	%	99,00	99,00	99,00	100,00	100,00	99,00	
5	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học	%	99,80	98,00	98,00	100,00	98,20	98,00	
6	Tỷ lệ lên lớp bậc THCS	%	98,50	98,50	98,50	100,00	100,00	98,50	
7	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình Trung học sơ sở	%	98,50	99,00	99,00	100,00	100,51	99,00	
8	Duy trì tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
9	Duy trì tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn	%	65,20	65,37	65,37	100,00	100,26	65,37	
IX	VĂN HÓA - XÃ HỘI								
1	Số thôn, buôn ra mắt đăng ký xây dựng thôn, buôn văn hóa	Thôn, buôn		2	4	200,00			
2	Tổ chức giải thể thao cấp huyện	Giải	10	10	10	100,00	100,00	10,00	
3	Thôn, buôn, tổ dân phố được công nhận, tái công nhận đơn vị văn hóa	Thôn, buôn	180,00	180,00	180,00	100,00	100,00	210,00	
4	Tỷ lệ hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hoá	%	95,00	96,00	96,00	100,00	101,05	97,00	
5	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, DN đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	75,00	85,00	85,00	100,00	113,33	89,00	
6	Tỷ lệ buôn đồng bào dân tộc thiểu số có nhà sinh hoạt cộng đồng	%	79,00	95,00	91,00	95,79	115,19	96,00	
7	Tỷ lệ người tập thể dục, thể thao thường xuyên	%	31,00	32,00	32,00	100,00	103,23	33,00	
8	Tỷ lệ gia đình gia đình tập thể dục, thể thao thường xuyên	%	25,00	25,00	25,00	100,00	100,00	26,00	
X	QUỐC PHÒNG								
1	Tỷ lệ Chi bộ quân sự xã, thị trấn có cấp ủy	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
2	Tỷ lệ tuyển quân hàng năm	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
3	Diễn tập chiến đấu trị an hàng năm tại xã, thị trấn theo NQ 28	%	25,00	25,00	25,00	100,00	100,00	25,00	
	Tổng số xã, thị trấn	Xã	4,00	4,00	4,00	100,00	100,00	4,00	

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Tỷ lệ % ước thực hiện năm 2018 so với KH 2018	Tỷ lệ % ước thực hiện năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực năm 2018				
4	Xây dựng lực lượng dự bị động viên hàng năm	%	98,22	100,00	100,00	100,00	101,81	100,00	
5	Tổ chức huấn luyện cho lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên đạt tiêu chuẩn	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
XII	AN NINH								
1	Tỷ lệ giải quyết tin báo tố giác tội phạm	%	92,38	90,00	91,00	101,11	98,51	91,00	
2	Tỷ lệ điều tra làm rõ số vụ án hình sự	%	86,02	85,00	87,77	103,26	102,03	85,00	
	<i>Trong đó: - Điều tra làm rõ án hình sự nghiêm trọng, rất nghiêm trọng</i>	%	<i>100,00</i>	<i>90,00</i>	<i>90,00</i>	100,00	90,00	90,00	
	<i>- Số vụ khởi tố hoàn thành điều tra</i>	%	<i>88,30</i>	<i>80,00</i>	<i>80,00</i>	100,00	90,60	80,00	
	<i>- Xử lý số vụ kết thúc điều tra</i>	%	<i>70,00</i>	<i>80,00</i>	<i>81,00</i>	101,25	115,71	85,00	
3	Giảm tỷ lệ tai nạn giao thông đường bộ so với năm trước (trên cả 3 tiêu chí: số vụ, số người chết và số người bị thương)	%	8,80	10,00	10,00	100,00	113,64	10,00	